

Số: **115/2021/QĐST-HNGĐ**

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 74/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/3/2021 giữa:

** Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn N**, sinh năm 1989;

ĐKKH: Số nhà 44, tổ 4, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi ở: Số nhà 66, tổ 7, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

** Bị đơn:* Anh **Nguyễn X**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số nhà 44, tổ 4, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn N và anh Nguyễn X.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Giao con chung là Nguyễn A, sinh ngày 28/7/2018 cho chị Nguyễn N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao con chung là Nguyễn T, sinh ngày 20/01/2016 cho anh Nguyễn X trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục

Chị N, anh X không phải cấp dưỡng nuôi con (do không ai có yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Vay nợ chung*: Các đương sự xác nhận không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn N tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000887 ngày 26/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho chị N Số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Nguyễn X không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường T (để biết);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hương Giang